

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bổ sung mục tiêu năm 2025 cho ngân sách xã, phường  
để thực hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hỏa táng (đợt 2)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh về việc quy định chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hỏa táng trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 83/2023/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh;*

*Căn cứ Văn bản số 1421/UBND-XDCT ngày 04/8/2025 về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hỏa táng trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 287/TTr-STC ngày 16/9/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ sung mục tiêu năm 2025 từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã, phường với tổng số tiền **370.000.000 đồng** để thực hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hỏa táng. (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn chi thực hiện các chính sách của địa phương đã được HĐND tỉnh ban hành (chi khác) trong dự toán năm 2025 tại Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 28/7/2025 của UBND tỉnh.

**Điều 2.** UBND xã, phường chịu trách nhiệm về đối tượng hỗ trợ; quản lý, sử dụng dự toán kinh phí được giao đúng mục đích, đúng đối tượng và thanh, quyết toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XV, Chủ tịch UBND các xã, phường có liên quan và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh N.H.Quế;
- CVP, PVPXD;
- Lưu: VT, X5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hữu Quế**

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số      /QĐ-UBND ngày      /      /2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

| STT | Nội dung             | Số tiền            |
|-----|----------------------|--------------------|
|     | <b>Tổng cộng</b>     | <b>370.000.000</b> |
| 1   | Phường Quy Nhơn      | 84.500.000         |
| 2   | Phường Quy Nhơn Đông | 141.000.000        |
| 3   | Phường Quy Nhơn Tây  | 19.500.000         |
| 4   | Phường Quy Nhơn Nam  | 26.000.000         |
| 5   | Phường An Nhơn Đông  | 33.000.000         |
| 6   | Xã Tuy Phước         | 56.000.000         |
| 7   | Phường Hoài Nhơn Bắc | 10.000.000         |